

**TÒA ÁN NHÂN DÂN                      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU                      Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HSST

Ngày 15 – 6 - 2018

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Minh Thịnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Hiến

Ông Châu Hải Dương

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi tham gia phiên tòa:**  
Ông Huỳnh Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2018/TLST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2018/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Vưu Bảo G, sinh năm 1983 tại xã Tạ An Khương Nam; Nơi cư trú: Ấp TAN A, xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Nuôi tôm công nghiệp; trình độ học vấn: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vưu Hồng K, sinh năm 1961 và bà Diệp Thị L, sinh năm 1964; có vợ là Trần Mỹ X, sinh năm 1985 và con Vưu Bảo K, sinh năm 2005; tiền án; tiền sự: Không; nhân thân: Xấu; bị cáo đang bị tạm giam trong một vụ án khác (*có mặt*).

**- Bị hại:**

1. Bà Hồ Thanh T, sinh năm 1962 (có mặt)

2. Chị Thái Thúy A, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp TA B, xã TAKĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn dân sự:** Chị Trần Mỹ X, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp TAN A, xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 30/9/2016, Vưu Bảo G ở ấp TAN A, xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau điều khiển phương tiện võ Composite hiệu “Hữu Vui”, dài 6,3m, máy Honda 5.5 HP đi tìm tài sản trộm. Khi đến nhà của bà Hồ Thanh T ở ấp TA B, xã TKĐ, huyện ĐD, G đậu võ, máy dưới mé sông, sau đó G đi đến cửa chính nhà bà T dùng tay mở khóa cửa, rồi đi đến vị trí cái tủ (loại tủ nhựa có nhiều ngăn), G dùng tua vít mang theo cạy khóa tủ lấy 02 hộp nhựa (loại hộp đựng sigum corne), bên trong hộp có đựng vàng 24k, vàng 18k và tiền Việt Nam là 15.000.000đ (loại mệnh giá 500.000đ).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 41 ngày 28/11/2016 của Hội đồng định giá tài sản huyện ĐD kết luận: 01 chiếc lắc đeo tay vàng 24k, trọng lượng 20 chỉ x giá 3.551.000đ = 71.020.000đ, tiền công 120.000đ; 01 nhẫn vàng 24k (mặt tợ), trọng lượng 10 chỉ x giá 3.551.000đ = 35.510.000đ, tiền công 120.000đ; 01 nhẫn vàng 24k (mặt tợ), trọng lượng 10 chỉ x giá 3.551.000đ = 35.510.000đ, tiền công 120.000đ; 03 nhẫn vàng 24k, trọng lượng 15 chỉ x giá 3.551.000đ = 53.265.000đ; 02 nhẫn vàng 24k (nhẫn tron), trọng lượng 04 chỉ x giá 3.551.000đ = 14.204.000đ; 01 dây chuyền vàng 24k (mặt mỏ neo), trọng lượng 25 chỉ x giá 3.551.000đ = 88.775.000đ, tiền công 150.000đ; 01 dây chuyền vàng 24k, trọng lượng 5,5 chỉ x giá 3.551.000đ = 19.530.500đ, tiền công 150.000đ; 01 lắc đeo tay vàng 18k, trọng lượng 10 chỉ x giá 2.400.000đ = 24.000.000đ, tiền công 120.000đ; 01 nhẫn vàng 18k, trọng lượng 02 chỉ x giá 2.400.000đ = 4.800.000đ; 01 nhẫn vàng 18k, trọng lượng 2,5 chỉ x giá 2.400.000đ = 6.000.000đ; Vòng, lắc, nhẫn (loại của trẻ em) vàng 24k, trọng lượng 02 chỉ x giá 3.551.000đ = 7.102.000đ; tiền mặt 15.000.000đ.

Tổng giá trị tài sản trộm là: 375.496.500đ.

Từ những tình tiết nêu trên, tại bản Cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện ĐD đã truy tố bị cáo Vưu Bảo G về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

- Bị hại bà Hồ Thanh T yêu cầu xét xử bị cáo G theo quy định của pháp luật, yêu cầu bị cáo G và chị X liên đới bồi thường số tiền 209.159.000đ.

- Bị hại chị Thái Thúy A yêu cầu xét xử bị cáo G theo quy định của pháp luật, yêu cầu bị cáo G và chị X liên đới bồi thường số tiền 166.337.500đ.

- Chị X đồng ý cùng bị cáo G liên đới bồi thường số tiền theo yêu cầu của bà T và chị A.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện ĐD vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt: Vụ Bảo G từ 08 năm đến 09 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

Buộc bị cáo Vụ Bảo G và chị Trần Mỹ X phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bà Hồ Thanh T số tiền 209.159.000đ và chị Thái Thúy A số tiền 166.337.500đ.

- Về xử lý vật chứng: Võ, máy bị cáo G dùng làm phương tiện đã bị Tòa án nhân dân huyện ĐD tuyên tịch thu sung quỹ trong vụ án xét xử ngày 29/12/2016, đối với cây vít và 02 hộp sigum corne thì không thu giữ được, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; điểm a khoản 1 Điều 23 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Vụ Bảo G và chị Trần Mỹ X phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

- Đối với Trần Mỹ X, Trần Chí N, Huỳnh G, Nguyễn Thị Phương C và Nguyễn N có hành vi mua, bán vàng nhưng không biết vàng do Vụ Bảo G thực hiện hành vi trộm cắp của bà T và chị A mà có, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện ĐD không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Trần Mỹ X, Trần Chí N, Huỳnh G, Nguyễn Thị Phương C và Nguyễn N về hành vi “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” là phù hợp.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo G yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện ĐD, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐD, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Vuur Bảo G hoàn toàn thừa nhận hành vi như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐD truy tố, cụ thể: Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 29/9/2016, bị cáo lợi dụng lúc đêm khuya, đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà Hồ Thanh T và chị Thái Thúy A gồm: 01 chiếc lắc đeo tay vàng 24k, trọng lượng 20; 01 nhẫn vàng 24k (*mặt tợ*), trọng lượng 10 chỉ; 01 nhẫn vàng 24k (*mặt tợ*), trọng lượng 10 chỉ; 03 nhẫn vàng 24k, trọng lượng 15 chỉ; 02 nhẫn vàng 24k (*nhẫn trơn*), trọng lượng 04 chỉ; 01 dây chuyền vàng 24k (*mặt mỏ neo*), trọng lượng 25 chỉ; 01 dây chuyền vàng 24k, trọng lượng 5,5 chỉ; 01 lắc đeo tay vàng 18k, trọng lượng 10 chỉ; 01 nhẫn vàng 18k, trọng lượng 02 chỉ; 01 nhẫn vàng 18k, trọng lượng 2,5 chỉ; Vòng, lắc, nhẫn (*loại của trẻ em*) vàng 24k, trọng lượng 02 chỉ; tiền mặt 15.000.000đ. Tổng giá trị tài sản bị cáo Giang trộm được là: 375.496.500đ.

Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 thì “3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a) *Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng*”.

Do đó, hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo G đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Như vậy, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Cho nên, Cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện ĐD đã truy tố bị cáo Vuur Bảo G về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất và mức độ về hành vi phạm tội của bị cáo G là nguy hiểm cho xã hội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Bởi lẽ, trước và trong khi phạm tội bị cáo G đã nhận thức được hành vi trộm cắp của bị cáo là xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, là vi phạm nghiêm trọng pháp luật hình sự, nhưng với bản tính tham lam, không lo làm ăn, chịu khó lao động để có thu nhập lo cho bản thân và gia đình, mà thích hưởng

thụ, muốn có tiền mà không cần lao động, nên bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo đã làm xấu tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do đó, Hội đồng xét xử cân nhắc buộc bị cáo phải chịu mức hình phạt thật nghiêm khắc, đó là cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhằm để răn đe và có thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết như: Bị cáo phạm tội có nhân thân xấu; chưa tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, bị cáo có ông nội là người có công với đất nước và được phong tặng huy chương kháng chiến hạng nhất, đây là các tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Từ đó Hội đồng xét xử có xem xét đầy đủ hành vi, tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và đề nghị của Viện kiểm sát tham gia phiên tòa để áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[5] *Về trách nhiệm dân sự*: Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa bà T yêu cầu bị cáo G và chị X phải bồi thường số tiền 209.159.000đ và chị A yêu cầu số tiền 166.337.500đ. Bị cáo G và chị X đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà T và chị A. *Xét thấy*: Việc thỏa thuận về số tiền bồi thường giữa bà T, chị A với bị cáo G và chị X là hoàn toàn tự nguyện, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bị cáo G và chị X phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bà T số tiền 209.159.000đ và chị A số tiền 166.337.500đ là phù hợp.

[6] *Về xử lý vật chứng*: Đối với chiếc võ Composite hiệu “Hữu Vui”, dài 6,3m, máy Honda 5.5 HP mà G dùng làm phương tiện đi trộm được Tòa án nhân dân huyện ĐD xử lý tại bản án hình sự sơ thẩm số 35/2016/HS-ST ngày 29/12/2016, đối với cây vít và 02 hộp sigum corne thì Cơ quan điều tra Công an huyện ĐD không thu giữ được, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Đối với Trần Mỹ X, Trần Chí N, Huỳnh G, Nguyễn Thị Phương C và Nguyễn N có hành vi mua, bán vàng nhưng không biết vàng do Vụ Bảo G thực hiện hành vi trộm cắp của bà T và chị A mà có, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện ĐD không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Trần Mỹ X, Trần Chí N, Huỳnh G, Nguyễn Thị Phương C và Nguyễn N về hành vi “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[8] *Về án phí*: Bị cáo G phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; điểm a khoản 1 Điều 23 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Vụ Bảo G phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 138; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ Luật hình sự năm 1999;

Xử phạt: Bị cáo Vụ Bảo G 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 608 của Bộ luật Dân sự 2005; khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

Buộc bị cáo Vụ Bảo G và chị Trần Mỹ X phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bà Hồ Thanh T số tiền 209.159.000đ (*hai trăm lẻ chín triệu một trăm năm mươi chín ngàn đồng*) và chị Thái Thúy A số tiền 166.337.500đ (*một trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm đồng*).

3. Kể từ ngày bà Hồ Thanh T và chị Thái Thúy A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Vụ Bảo G và chị Trần Mỹ X chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bị cáo G và chị X còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Vụ Bảo G phải chịu án phí hình sự sơ thẩm với số tiền là 200.000 đồng.

- Án phí dân sự: Bị cáo Vụ Bảo G và chị Trần Mỹ X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 18.774.800đ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, bị đơn dân sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo, bị hại, bị đơn dân sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính

đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;

***(đã ký)***

**Trương Minh Thịnh**